

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 03/8/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thiện

Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: ông
Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/8/2021, tại Hội trường xét xử - TAND tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 02/6/2021 về “Ly hôn, tranh chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-PT ngày 22/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm: 1973; địa chỉ: TDP Tân L, phường Kỳ L, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Mai Xuân Đ – Luật sư Công ty Luật TNHH Pháp Viện; địa chỉ: TDP Hưng B, phường Hưng T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Hoàng Văn B, sinh năm: 1971; địa chỉ: TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Vương Thị D, sinh năm: 1939; địa chỉ: TDP Đông P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1980; địa chỉ: TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: TDP Nam Ph, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

Người kháng cáo: bà Lê Thị N, ông Hoàng Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về tình cảm: Bà Lê Thị N và ông Hoàng Văn B kết hôn với nhau vào ngày 04/8/1992, đăng ký kết hôn tại UBND phường Kỳ T trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc. Sau 24 năm chung sống với nhau, bà và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống. Đầu năm 2010, bà N ốm nặng và phải điều trị tại bệnh viện, tuy nhiên lại không được ông B chăm sóc, đến khi trở về nhà thì liên tục bị ông B đánh đập, xúc phạm, sau đó bà đã nhờ hai bên họ hàng để hòa giải nhưng không thành và ông B vẫn tiếp tục đánh đập bà. Đến khoảng tháng 01/2015, bà đã chuyển về nhà mẹ đẻ của bà ở phường Kỳ L, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống, từ đó vợ chồng ông bà ly thân cho đến nay. Bà N cảm thấy tình cảm vợ chồng nay không còn với ông B, mâu thuẫn giữa hai người đã trở nên trầm trọng không thể hòa giải được, hai người không còn tôn trọng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết để bà N được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà N và ông B có 04 người con chung. Các con nay đã trên 18 tuổi và đã đi lấy chồng nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà N và ông B có được những tài sản chung như sau

- Về đất đai:

+ Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54/371, diện tích 178,3m² (tại TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh), thửa đất hiện nay đã được vợ chồng xây nhà để cho thuê.

+ Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 3206,3m² (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh).

+ Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 1160,3m² (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh).

+ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 4034m² (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh). Thửa đất này vợ chồng ông bà xây nhà để ở từ năm 1992.

+ Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 473,6m² (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh).

+ Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 156,4m² (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh).

- Các tài sản khác:

+ 03 con trâu (02 trâu mẹ và 01 trâu nghé).

+ 04 xe máy, gồm: 01 xe nhãn hiệu Wave Anpha, mua năm 2010 giá 16.000.000đ, hiện con gái đang sử dụng, nay có nguyện vọng cho con gái; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius mua năm 2013 với giá 22.000.000đ, hiện ông B đang sử dụng; 01 xe nhãn hiệu Honda Cup 81 mua năm 2004 với giá 8.000.000đ, hiện ông B đang sử dụng; 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Dream mua năm 2009 với giá 5.000.000đ, hiện ông B đang sử dụng;

+ 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 02 tivi.

Các tài sản chung như đất đai, nhà cửa, 03 con trâu, 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius bà đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Còn các tài sản như tivi, tủ lạnh, bếp ga trước kia bà có yêu cầu nhưng nay các vật dụng đã hư hỏng

nên bà rút yêu cầu chia các tài sản này không yêu cầu Tòa án đưa tài sản chung vợ chồng để chia.

- Về nợ chung: theo bà N, trình bày hiện nay bà N và ông B đang có 03 khoản nợ chung, cụ thể:

+ Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh thị xã Kỳ A số tiền 30.000.000đ, ông B đã trả được 15.000.000đ, còn lại 15.000.000đ bà N nhận trách nhiệm trả nợ.

+ Nợ tiền mua lân đạm của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị S (trú tại: TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A) số tiền 2.310.000đ.

+ Nợ bà Nguyễn Thị T (trú tại: TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A), số tiền 1.000.000đ.

Số tiền nợ vợ chồng ông S, bà S và số tiền nợ bà T, bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, còn số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh thị xã Kỳ A, bà N nhận trách nhiệm trả.

Bị đơn ông Hoàng Văn B trình bày:

Vào tháng 9/1992, ông B và bà N có làm lễ cưới theo phong tục tại địa phương dưới sự chứng kiến của họ hàng hai bên nội ngoại, bà con lối xóm nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống với nhau từ đó cho đến tháng 12/2014 thì ông phát hiện bà N ngoại tình nên đã xảy ra mâu thuẫn, sau đó bà N bỏ nhà ra đi thời điểm đó đến nay không về. Nay tình cảm giữa ông B và bà N không còn nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chia tài sản chung trong quá trình sinh sống.

Về con cái: giữa ông B và bà N có 04 người con chung, nay các con đã trên 18 tuổi và đã lấy chồng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: theo ông B trong quá trình chung sống, vợ chồng ông tạo lập được khối tài sản chung, gồm:

+ Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54 và căn nhà trên thửa đất số 02 (tại TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh).

+ Căn nhà nằm trên thửa đất số 65, tờ bản đồ số 47/371 (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh).

+ 03 con trâu trong quá trình bà N bỏ đi không ai chăn cũng như lấy tiền lo cho con trai út bị mất nên ông B đã bán với giá 22.000.000đ để lo mai táng cho con.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius.

Ngoài ra còn một số vật dụng trong nhà như xe máy, tủ lạnh, tivi, bếp ga hiện nay đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên ông không yêu cầu chia tài sản chung.

Còn những tài sản bao gồm: các thửa đất số 62, 65, 82, 87, 95, 101 tờ bản đồ số 47/371 tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh là đất của cha mẹ đẻ của ông B là ông Hoàng Văn T (đã mất) và bà Vương Thị D để cho ông B và bà N mượn, nay ông đề nghị trả lại tất cả thửa đất trên cho bà D.

Về nợ chung: ông B và bà N có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh thị xã Kỳ A 30.000.000đ và trong thời gian bà N bỏ nhà ra đi ông đã trả được cho ngân hàng 15.000.000đ, còn lại 15.000.000đ ông đề nghị bà N có trách nhiệm trả cho ngân hàng.

Ngoài ra trong thời gian bà N bỏ nhà ra đi, ông có vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Kỳ A số tiền 50.000.000đ để trang

trả trong gia đình, nay ông nhận trả cho ngân hàng, không yêu cầu bà N phải trả và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn về khoản nợ vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị S và số tiền nợ bà Nguyễn Thị T do bà N tự đứng ra vay ông B không biết, nên ông không chấp nhận số nợ trên.

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T:

Bố mẹ ông là Hoàng Văn T (đã mất) và bà Vương Thị D trong quá trình sinh sống được UBND phường Kỳ T cấp thửa đất vào năm 1988. Năm 1988, cha mẹ ông xây nhà trên thửa đất được cấp, đến năm 1996 thì cha mẹ ông được chủ tịch UBND xã Kỳ T ký giấy cấp đất. Trong quá trình sử dụng đất, cha mẹ ông cho vợ chồng anh Hoàng Văn B và chị Lê Thị N mượn toàn bộ diện tích đất và nhà ở để ở và canh tác hoa màu trên toàn bộ mảnh đất đó. Đến năm 2005, Nhà nước có chủ trương đo vẽ xây dựng bản đồ địa chính, ông B đứng ra kê khai nên thửa đất mang tên là Hoàng Văn B gồm 6 thửa: thửa số 62, tờ bản đồ số 47, thể loại đất ONT, diện tích 3206,3m²; thửa đất số 65, tờ bản đồ số 47, thể loại đất ONT, diện tích 1160m²; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 47, thể loại đất TSN, diện tích 437,6m²; thửa đất số 95, tờ bản đồ số 47, thể loại đất LUK, diện tích 156,4m². Tổng diện tích các thửa đất là 9549,5m², trong đó đất trồng cây lâu năm là 8396m², đất nuôi trồng thủy sản là 473,6m², đất trồng lúa nước là 679,7m², tất cả các thửa đất trên đều nằm tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và đến thời điểm hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như các loại giấy tờ gì. Nay vợ chồng ông B và bà N ly hôn, bà N yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là 06 thửa đất của ông Tịnh và bà D là không có căn cứ, nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu của chị N, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà N trả lại các thửa đất nói trên cho ông Tịnh và bà D.

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh thị xã Kỳ A:

Ngày 10/12/2014, hộ gia đình ông B và bà N có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh thị xã Kỳ A số tiền 30.000.000đ, mục đích vay vốn để chăn nuôi trâu bò sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/12/2017, gia hạn nợ 12 tháng đến ngày 10/3/2019. Đến ngày 12/7/2018 còn nợ số tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi 6.145.000đ. Sau đó ông B đã trả được nợ gốc cho ngân hàng số tiền 15.000.000đ, nay ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông B và bà N phải trả số tiền gốc còn lại 15.000.000đ và số tiền lãi cho đến khi trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T:

Vào ngày 26/3/2013, vợ chồng anh B và chị N đến bà T xin vay 1.000.000đ, anh B và chị N hứa chỉ vay một vài ngày rồi trả, lúc vay, chị N là người đứng ra vay, còn anh B là người trực tiếp lấy tiền. Khi đưa tiền cho anh B vì nghĩ là hàng xóm láng giềng tin tưởng nhau nên bà T không lập giấy nhận tiền. Nay vợ chồng anh B và chị N ly hôn, bà T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh B và chị N trả nợ cho bà số tiền 1.000.000đ đã vay vào ngày 26/3/2013.

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Sơn và bà Nguyễn Thị S:

Vào ngày 20/11/2014, ông Sơn và bà S bán cho vợ chồng anh B và chị N 300 kg phân bón với giá 960.000đ; 150 kg vôi với giá 300.000đ; 100 kg lân NPK ba màu với giá 500.000đ; 50 kg đạm Phú Mỹ với giá 500.000đ, tổng cộng là 2.310.000đ, để về trồng lạc. Đến nay vợ chồng anh B, chị N vẫn chưa trả cho ông Sơn và bà S số tiền mua phân đạm nói trên. Đề nghị Tòa buộc ông B và bà N phải trả lại số tiền mua phân đạm là 2.310.000đ.

- *Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang D:*

Ngày 29/6/2011, anh D có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông B và bà N thửa đất có diện tích chiều dài giáp đường liên thôn là 6m, chiều dài thửa đất là đến hết nương. Thửa đất hiện nay anh D đã xây nhà ổn định, hai bên không có tranh chấp gì nên anh Dương không có yêu cầu gì.

Với nội dung trên, tại Bản án số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 4, khoản 6 Điều 26, khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho bà Lê Thị N được ly hôn ông Hoàng Văn B

2. Về tài sản chung:

- Chia cho bà Lê Thị N sở hữu và sử dụng; thửa đất số 02, tờ bản đồ địa chính số 54/371, thể loại đất ONT, diện tích 178,3m², địa chỉ thửa đất tại TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và tài sản trên đất (nhà ở). Tổng trị giá 871.914.000 đồng.

- Chia cho ông Hoàng Văn B quản lý, sử dụng: thửa đất số 65, tờ bản đồ địa chính số 47/317, thể loại đất ONT, diện tích 1160,3m² địa chỉ thửa đất tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và tài sản trên đất (nhà ở). Tổng trị giá 933.850.000 đồng và các tài sản khác gồm tiền bán trâu 22.000.000đ, 01 xe máy trị giá 7.000.000đ. Tổng toàn bộ tài sản ông B được chia là 962.850.000đ. Ông B phải đưa lại cho bà N số tiền chênh lệch phân chia tài sản là 45.450.000đ.

Giao cho bà Vương Thị D sử dụng các thửa đất: thửa đất số 62, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 3206,3m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất ở là 4034m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A; thửa đất số 87, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất 473,6m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A; thửa đất số 95, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất là 523,2m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất 156,4m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A.

3. Về nợ chung:

Bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.155.000đ; trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh thị xã Kỳ A số tiền 15.000.000đ.

Ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000đ; trả nợ cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.155.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/4/2021, nguyên đơn bà Lê Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị quyền sử dụng thửa đất số 62 và 82 tờ bản đồ 47/371 (tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A); yêu cầu chia lại việc trả nợ chung cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T.

Ngày 16/4/2021, bị đơn ông Hoàng Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu Tòa án tuyên trả lại thửa đất số 02, tờ bản đồ địa chính số 54/371 cho bà Vương Thị D; buộc bà N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.000.000đ, trả nợ cho bà Nguyễn Thị S số tiền 2.310.000đ.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bổ sung nội dung kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất số 62, 82, 87, 95 và 101 thuộc tờ bản đồ số 47/371 tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và không yêu cầu xem xét lại nợ chung.

Ý kiến của vị đại diện Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh như sau: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 02/4/2021 của TAND thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị N và ông Hoàng Văn B làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Đối với các thửa đất số 62 (diện tích 3206,3m²), thửa đất số 82 (diện tích 4.034m²), thửa đất số 87m (diện tích 473,6m²), thửa đất số 95 (diện tích 523,2m²) và thửa đất số 101 (diện tích 156,4m²) (đều thuộc tờ bản đồ số 47/371 tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A), qua kết quả xác minh tại UBND phường Kỳ T, thấy rằng hồ sơ đăng ký đất đai không có giấy tờ, tài liệu nào thể hiện tên của bà Lê Thị N và ông Hoàng Văn B đối với 02 thửa đất này. Nguồn gốc đất là của ông Hoàng Văn Tịnh (đã mất) và bà Vương Thị D khai hoang để sản xuất, ổn định và làm trại, làm nhà để ông B, bà N về ở sau khi cưới (được UBND xã Kỳ T xác nhận vào ngày 15/10/1996) và tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được thêm tài liệu nào chứng minh những thửa đất trên là tài sản chung của bà N, ông B trong thời kỳ hôn nhân, do đó 02 thửa đất này không thuộc quyền sử dụng chung của bà N, ông B nên việc bà N yêu cầu chia tài sản này là không có căn cứ.

Đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54/371, diện tích 178,3m² (tại TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh) gồm thửa đất và tài sản gắn liền với đất trị giá 871.914.000đ là tài sản chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tình tiết vụ án, chia cho ông B được quyền sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 1160,3m² và tài sản gắn liền với đất cũng như các tài sản khác như tiền bán trâu, giá trị xe máy với tổng giá trị tài sản là 962.850.000đ. Do vậy, việc ông B phải trả số tiền chênh lệch cho bà N số tiền 45.450.000đ là phù hợp.

Về khoản nợ số tiền 1.000.000đ đối với bà Nguyễn Thị T, xác định được do bà N và ông B cùng đến vay bà T, bà N là người đứng ra vay còn ông B là người trực tiếp nhận tiền. Về khoản nợ số tiền 2.310.000đ đối với bà Nguyễn Thị S, xác định đây là khoản tiền mua phân bón và vật tư nông nghiệp để trồng lạc của ông B, bà N. Hội đồng xét xử thấy rằng, 02 khoản nợ trên đều là nợ chung của bà N và ông B trong thời kỳ hôn nhân do đó Tòa án buộc bà N, ông B có trách nhiệm trả nợ về 02 khoản nợ chung trên là có căn cứ.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh là phù hợp.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí DSPT theo quy định do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn ông Hoàng Văn B.

Giữ nguyên Bản án số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho bà Lê Thị N được ly hôn ông Hoàng Văn B

2. Về tài sản chung:

- Chia cho bà Lê Thị N sở hữu và sử dụng; thửa đất số 02, tờ bản đồ địa chính số 54/371, thể loại đất ONT, diện tích 178,3m², địa chỉ thửa đất tại TDP Nam P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và tài sản trên đất (nhà ở). Tổng trị giá 871.914.000 đồng.

- Chia cho ông Hoàng Văn B quản lý, sử dụng: thửa đất số 65, tờ bản đồ địa chính số 47/317, thể loại đất ONT, diện tích 1160,3m² địa chỉ thửa đất tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và tài sản trên đất (nhà ở). Tổng trị giá 933.850.000 đồng và các tài sản khác gồm tiền bán trâu 22.000.000 đồng, 01 xe máy trị giá 7.000.000 đồng. Tổng toàn bộ tài sản ông B được chia là 962.850.000 đồng. Ông B phải đưa lại cho bà N số tiền chênh lệch phân chia tài sản là 45.450.000 đồng.

Giao cho bà Vương Thị D sử dụng các thửa đất: thửa đất số 62, tờ bản đồ số 47/371, diện tích 3206,3m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất ở là 4034m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A; thửa đất số 87, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất 473,6m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A; thửa đất số 95, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất là 523,2m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 47/371 với diện tích đất 156,4m² tại TDP Tân P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A.

3. Về nợ chung:

Bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000 đồng; trả nợ cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.155.000 đồng; trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh thị xã Kỳ A số tiền 15.000.000 đồng.

Ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000 đồng; trả nợ cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.155.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N và ông Hoàng Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT (bà N đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số 0008037 ngày 04/5/2021, ông B đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0008024 ngày 19/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ A) nay không phải nộp nữa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, chi cục THADS cấp sơ thẩm;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thiện